

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

Nguyễn Thị Hồng Hà

**TÁC ĐỘNG CỦA PHÂN CẤP TÀI KHÓA ĐẾN PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG – VAI TRÒ CỦA ĐỔI MỚI XANH VÀ RỦI RO
ĐỊA CHÍNH TRỊ**

Ngành: Tài chính – Ngân hàng
Mã số: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Tp. Hồ Chí Minh – Năm 2026

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS. TS. Lê Hùng Sơn
Người hướng dẫn khoa học 2: PGS. TS. Trần Thị Kim Oanh

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1 : GS. TS. Đặng Văn Dân

Phản biện 2 : PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh

Phản biện 3 : PGS. TS. Trần Thị Xuân Hương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường
họp tại Trường Đại học Tài chính – Marketing
Vào hồi 16 giờ 00 ngày 27 tháng 01 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Trường Đại học Tài chính – Marketing

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1.1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong những năm gần đây, sự gia tăng về tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên (TNTN), suy thoái môi trường và mất cân đối kinh tế - xã hội đã thúc đẩy cộng đồng quốc tế, thông qua Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc, hướng tới mục tiêu Phát triển Bền vững (PTBV). Khái niệm PTBV, được định nghĩa kinh điển trong Báo cáo Brundtland (1987) là “sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (WCED, 1987), nhấn mạnh sự tích hợp của ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường (UNCED, 1992).

Một trong những cơ chế quản trị công trọng yếu trong nền kinh tế hiện đại là phân cấp tài khóa (PCTK) – tức là phân bổ trách nhiệm, nguồn thu và chi tiêu giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương (hoặc các đơn vị hành chính cấp thấp hơn). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, từ việc phân cấp, chính quyền địa phương biết rõ hơn nhu cầu vùng, có thể phản ứng linh hoạt hơn với vấn đề môi trường và phát triển địa phương. Thông qua đó, PCTK có thể phát huy lợi thế thông tin của chính quyền địa phương, nâng cao hiệu quả kinh tế tổng thể (Cheng, 2019; Fredriksson và Millimet, 2002; Konisky, 2007). Tuy nhiên, có không ít nghiên cứu cho thấy phân cấp tài khóa gặp nhiều bất cập.

Bối cảnh toàn cầu hiện nay càng làm tăng tính phức tạp của vấn đề, đặc biệt khi xem xét vai trò của đổi mới xanh (ĐMX) và rủi ro địa chính trị (RRĐCT). ĐMX, hay đổi mới sinh thái (eco-innovation), là “bất kỳ hình thức đổi mới nào dẫn đến hoặc nhằm đạt được tiến bộ đáng kể và có thể chứng minh được hướng tới mục tiêu PTBV” (Carrillo-Hermosilla et al., 2010), được xác nhận là con đường quan trọng dẫn đến PTBV (Du và cộng sự, 2019; Li và Xu, 2023). Do đó, việc nghiên cứu cách PCTK có thể tối ưu hóa vai trò khuếch đại của ĐMX lên PTBV là điều cần thiết.

Tóm lại, PTBV và các yếu tố thúc đẩy PTBV là chủ đề quan trọng được nhiều nhà khoa học quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, các nghiên cứu đa số sử dụng các biến như lượng phát thải khí CO₂, lượng phát thải khí nhà kính GHG, hoặc

dấu chân sinh thái đại diện cho tính bền vững về môi trường (Ji và cộng sự, 2021; Khan và cộng sự, 2021; Lingyan và cộng sự, 2022; Fang và Fang, 2023). Trong khi đó, sự PTBV cần phải xem xét một cách toàn diện, bao gồm ba trụ cột có mối liên hệ chặt chẽ với nhau là xã hội bền vững, môi trường bền vững và kinh tế bền vững. Thế nhưng qua lược khảo cho thấy có rất ít nghiên cứu xem xét nghiên cứu bền vững dưới góc độ tổng hợp toàn diện cả ba trụ cột này.

Xuất phát từ những lý do về mặt lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "*Tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững – vai trò của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị*" làm luận án tốt nghiệp với mong muốn sẽ hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến PTBV, PCTK, đổi mới xanh và RRĐCT; kiểm tra tác động của PCTK đến PTBV – xem xét đến vai trò điều tiết của đổi mới xanh và RRĐCT tại 31 quốc gia, chia thành hai nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển, trong giai đoạn 2010 – 2022. Thông qua phương pháp Bayes, nghiên cứu sẽ tập trung nghiên cứu tác động của PCTK đến PTBV – xem xét đến vai trò điều tiết của đổi mới xanh và RRĐCT tại hai nhóm quốc gia là các nước phát triển và các nước đang phát triển. Từ các kết quả phân tích, tác giả sẽ đề xuất một số hàm ý chính sách phù hợp có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

1.2. MỤC TIÊU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu tổng quát của luận án là phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững – xem xét vai trò điều tiết của đổi mới xanh và RRĐCT. Kết quả đạt được sẽ là cơ sở khoa học để đề xuất những hàm ý chính sách về phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và hạn chế RRĐCT giúp thúc đẩy phát triển bền vững tại các quốc gia.

- **Mục tiêu cụ thể:** Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu tổng quát, các mục tiêu cụ thể được đặt ra:
 - + Phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững tại các quốc gia phát triển và đang phát triển.

+ Kiểm định mối quan hệ hình chữ U ngược giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững tại hai nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển.

+ Phân tích vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững tại hai nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển.

+ Đề xuất một số hàm ý chính sách về phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại các quốc gia.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu trên, luận án cần giải quyết bốn câu hỏi nghiên cứu chính sau đây:

(1) Phân cấp tài khóa tác động như thế nào đến phát triển bền vững tại các quốc gia phát triển và đang phát triển?

(2) Đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị có đóng vai trò điều tiết mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững tại các quốc gia phát triển và đang phát triển hay không?

(3) Có tồn tại mối quan hệ hình chữ U ngược giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững tại các quốc gia phát triển và đang phát triển hay không?

(4) Những giải pháp nào về phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại hai nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển?

1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án bao gồm:

- Tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững.
- Vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 31 quốc gia, được chia thành hai nhóm bao gồm 19 nước phát triển và 12 nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) trong giai đoạn 2010 - 2022.

Dữ liệu được thu thập tại các trang web của World Bank, IMF và OECD. Những dữ liệu chưa đầy đủ về phân cấp tài khóa của các quốc gia được bổ sung từ niên giám thống kê của từng nước. Riêng dữ liệu về chỉ số rủi ro địa chính trị GPR được thu thập tại trang web www.matteoiacoviello.com.

1.4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu là phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững của 31 quốc gia phát triển và đang phát triển, luận án kết hợp các phương pháp phân tích định tính và định lượng để giải quyết các vấn đề nghiên cứu.

- Về phương pháp định tính: phân tích tổng hợp, mô tả - giải thích nhằm làm rõ các mục tiêu nghiên cứu.

- Về phương pháp định lượng: Khác với những nghiên cứu trước đây về phân cấp tài khóa và phát triển bền vững thường áp dụng phương pháp kinh tế lượng truyền thống, luận án này tiếp cận theo thống kê Bayes.

Ngoài ra, luận án áp dụng thêm phương pháp System – GMM để kiểm định tính vững của mô hình nghiên cứu.

1.5. NHỮNG ĐIỂM MỚI VÀ ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, luận án đã có những đóng góp mới như sau:

1.5.1. Về mặt lý luận

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý thuyết về các khái niệm và mối quan hệ giữa phát triển bền vững, phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị.

Thứ hai, luận án đã xây dựng và đề xuất mô hình nghiên cứu toàn diện gồm hai cấu phần chính: (i) mô hình đánh giá tác động trực tiếp của phân cấp tài khóa đến phát

triển bền vững, và (ii) mô hình xem xét vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững.

Thứ ba, bằng việc ứng dụng phương pháp tiếp cận Bayes – một phương pháp hiện đại và có độ tin cậy cao trong phân tích kinh tế lượng, luận án đã phát hiện mối quan hệ phi tuyến hình chữ U giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững.

Thứ tư, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm khẳng định tác động tích cực của tăng trưởng GDP, tự do hóa thương mại và quy mô chính phủ đến phát triển bền vững, qua đó củng cố các luận điểm của lý thuyết tăng trưởng bền vững và lý thuyết kinh tế mở.

1.5.2. Về mặt thực tiễn

Luận án đề xuất ngưỡng phân cấp tối ưu cho phát triển bền vững tại hai nhóm quốc gia được nghiên cứu. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách nắm bắt được vai trò của phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị đối với phát triển bền vững, từ đó có những đề xuất chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững của từng nhóm quốc gia.

1.6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, luận án được cấu trúc thành 5 chương:

Chương 1: Giới thiệu

Chương 2: Tổng quan về phát triển bền vững, phân cấp tài khóa, đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị.

Chương 3: Mô hình và phương pháp nghiên cứu.

Chương 4: Kết quả nghiên cứu.

Chương 5: Kết luận và một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả phân cấp tài khóa thúc đẩy phát triển bền vững tại các quốc gia.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, PHÂN CẤP TÀI KHÓA, ĐỔI MỚI XANH VÀ RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ

2.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, PHÂN CẤP TÀI KHÓA, ĐỔI MỚI XANH VÀ RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ

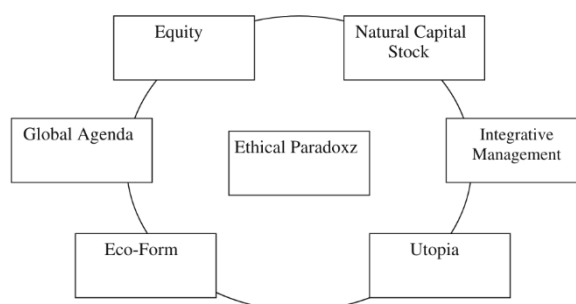
2.1.1. Tổng quan về phát triển bền vững

2.1.1.1. Khái niệm phát triển bền vững

Theo Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) định nghĩa PTBV là "sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai" (World Commission on Environment and Development, 1987).

2.1.1.2. Khung lý thuyết về phát triển bền vững

Hình 0.1. Khung lý thuyết về phát triển bền vững



Nguồn: Jabareen (2008)

2.1.1.3. Ba trụ cột phát triển bền vững

- Bền vững kinh tế: Mục tiêu là thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra thịnh vượng và ổn định, đảm bảo sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả và công bằng.
- Bền vững xã hội: Trọng tâm là nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người bằng cách đảm bảo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở và vệ sinh.
- Bền vững môi trường: Mục tiêu là bảo tồn và phục hồi TNTN, đa dạng sinh học và sức khỏe hành tinh cho cả hiện tại và tương lai.

2.1.1.4. Các mục tiêu phát triển bền vững

Ngày nay, khái niệm PTBV được liên kết mật thiết với các Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên hợp quốc - một bộ gồm 17 mục tiêu toàn cầu bao gồm:

- Xóa nghèo (No poverty)
- Không còn nạn đói (Zero hunger)
- Sức khỏe và hạnh phúc (Good health and well-being)
- Đảm bảo chất lượng giáo dục (Quality education)
- Bình đẳng giới (Gender equality)
- Nước sạch và vệ sinh (Clean water and sanitation)
- Năng lượng sạch (Affordable and clean energy)
- Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế (Decent work and economic growth)
- Công nghiệp, đổi mới và hạ tầng (Industry, innovation and infrastructure)
- Giảm bất bình đẳng (Reduced inequalities)
- Thành phố và cộng đồng bền vững (Sustainable cities and communities)
- Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm (Responsible consumption and production)
- Hành động về khí hậu (Climate action)
- Bảo tồn môi trường biển (Life below water)
- Bảo vệ môi trường trên đất liền (Life on land)
- Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ (Peace, justice and strong institutions)
- Quan hệ đối tác vì các mục tiêu chung (Partnerships for the goals)

2.1.1.5. Đo lường phát triển bền vững

Phát triển bền vững có thể được đo lường thông qua Chỉ số Phát triển con người (Human Development Index – HDI), Chỉ số Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs Index), Chỉ số tăng trưởng xanh (Green Growth Index).

2.1.2. Tổng quan về phân cấp tài khóa

2.1.2.1. Khái niệm phân cấp tài khóa

Theo World Bank (2013), phân cấp tài khóa (PCTK) được hiểu là quá trình chuyển giao các quyền lực và trách nhiệm từ cấp trung ương (TW) xuống cho các cấp chính quyền cơ sở hoặc thậm chí là khu vực tư nhân.

2.1.2.2. Các lý thuyết về phân cấp tài khóa

Có nhiều lý thuyết về PCTK, điển hình như Mô hình phân cấp của Tiebout, Lý thuyết tài chính công của Musgrave (1959), Mô hình tương đồng tài khóa của Olson (1969), Mô hình Stigler, Mô hình phi tập trung hóa của Oates (1972).

2.1.2.3. Nội dung phân cấp tài khóa

Theo Martinez-Vazquez (2004), PCTK bao gồm bốn nội dung chính: Phân cấp thu ngân sách, Phân cấp chi ngân sách, Trợ cấp ngân sách (chuyển giao ngân sách), Phân cấp quyền vay nợ.

2.1.2.4. Lợi ích của phân cấp tài khóa

Gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực: PCTK cho phép các CQĐP, nhờ có thông tin cục bộ chính xác hơn, đưa ra các chính sách thu – chi phù hợp với đặc thù vùng miền.

Tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch: Khi PCTK, quyền quyết định về thu – chi được giao cho các đơn vị quản lý gần gũi với người dân, tạo điều kiện cho việc giám sát, kiểm tra và đối thoại giữa chính quyền và cộng đồng.

Giảm bất bình đẳng giữa các vùng miền: PCTK cho phép điều chỉnh chênh lệch về khả năng huy động nguồn thu giữa các địa phương.

Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng: Khi quyền quản lý được giao gần với người dân, cộng đồng sẽ được tham gia và bày tỏ ý kiến trong quá trình ra quyết định về các vấn đề thu – chi.

2.1.2.5. Rủi ro trong phân cấp tài khóa

PCTK mở ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đi kèm với một số rủi ro cần được quản lý cẩn thận:

Rủi ro về bất bình đẳng tài khóa: Mặc dù mục tiêu của PCTK là giảm sự chênh lệch giữa các địa phương, nhưng nếu không có cơ chế điều chỉnh phù hợp, có thể dẫn đến sự chênh lệch sâu giữa các khu vực.

Rủi ro về quản lý và minh bạch: PCTK đòi hỏi các CQĐP phải có khả năng quản lý tài chính vững chắc. Tuy nhiên, nếu hệ thống kiểm soát và giám sát nội bộ không hiệu quả, nguồn lực có thể bị lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích, thậm chí dẫn đến trốn thuế.

Rủi ro về động cơ chính trị và lợi ích nhóm: Khi quyền quản lý tài khóa được giao cho địa phương, có nguy cơ xuất hiện hiện tượng lợi ích nhóm và động cơ chính trị, khiến nguồn lực bị sử dụng để phục vụ cho lợi ích của các cá nhân hoặc nhóm chứ không phải vì lợi ích chung.

Rủi ro về thiếu đồng bộ và phối hợp: Nếu không có sự điều phối chặt chẽ từ TW, các chính sách thu – chi giữa TW và địa phương có thể không đồng bộ.

2.1.2.6. Đo lường phân cấp tài khóa

❖ **Tỷ trọng thu NSDP:** Được tính bằng tỉ số giữa tổng nguồn thu NSDP và tổng nguồn thu NSNN, sau khi loại trừ các khoản bổ sung từ TW nhằm tránh trùng lặp.

$$\text{❖ Tỷ trọng thu NSDP} = \frac{\text{Tổng thu của NSDP}}{\text{Tổng thu của NSNN}}$$

❖ **Tỷ trọng chi tiêu NSDP:** Được xác định bằng tỉ số giữa tổng mức chi của CQĐP và tổng chi của NSNN.

$$\text{Tỷ trọng chi tiêu NSDP} = \frac{\text{Tổng chi tiêu của NSDP}}{\text{Tổng chi tiêu của NSNN}}$$

2.1.3. Tổng quan về đổi mới xanh

2.1.3.1. Khái niệm đổi mới xanh

Đổi mới xanh (green innovation), còn được gọi là đổi mới sinh thái (eco-innovation) hoặc đổi mới bền vững (sustainable innovation), đề cập đến việc nghiên cứu và áp dụng các công nghệ, sản phẩm, quy trình và hình thức kinh doanh mới nhằm giải quyết các thách thức môi trường, giảm dấu chân sinh thái và thúc đẩy tính bền vững trên các khía cạnh khác nhau của xã hội.

2.1.3.2. Nội dung đổi mới xanh

Từ những định nghĩa về đổi mới xanh đề cập ở phần trước, có thể nhận thấy rằng đổi mới xanh bao gồm: Đổi mới công nghệ, Đổi mới sản phẩm, Đổi mới quy trình, Đổi mới mô hình kinh doanh, Đổi mới về chính sách và quy định, Đổi mới về xã hội và hành vi, Đổi mới hợp tác, Công nghệ thông tin và kỹ thuật số.

2.1.3.3. Đo lường đổi mới xanh

Để đo lường đổi mới xanh, một số tổ chức quốc tế đã sử dụng các chỉ số hoặc hệ thống các chỉ số, chẳng hạn như Chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) và Chỉ tiêu về Bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ.

2.1.4. Tổng quan về rủi ro địa chính trị

2.1.4.1. Khái niệm rủi ro địa chính trị

RRĐCT đề cập đến những rủi ro và sự không chắc chắn phát sinh từ các yếu tố chính trị, xã hội và kinh tế ở cấp độ khu vực hoặc toàn cầu (Caldara và Iacoviello, 2022).

Ở cấp độ vĩ mô, RRĐCT xuất phát từ bất ổn xã hội và khủng hoảng nhân đạo thường dẫn đến tình trạng dịch chuyển, nghèo đói, bất ổn xã hội và bất bình đẳng trong nhiều phương diện (Syed và cộng sự, 2021).

2.1.4.2. Tác động của rủi ro địa chính trị

RRĐCT được cho là yếu tố gây ra nhiều tác động bất lợi đối với kinh tế, chính trị và an ninh toàn cầu. RRĐCT, chẳng hạn như xung đột hoặc những thay đổi chính trị quan trọng, thường dẫn đến gia tăng biến động thị trường.

Căng thẳng địa chính trị có thể có thể dẫn đến các rào cản thương mại như áp đặt thuế quan, trừng phạt hoặc phong tỏa, làm gián đoạn dòng chảy thương mại quốc tế và làm tăng chi phí cho người tiêu dùng và DN.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng RRĐCT tăng cao có thể ngăn cản đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và TTKT chậm lại.

RRĐCT ảnh hưởng đến các quyết định chính sách quốc gia, thường dẫn đến việc ưu tiên an ninh và quốc phòng hơn các chương trình KT – XH.

Xung đột và bất ổn chính trị thường dẫn đến các cuộc di cư và khủng hoảng tị nạn quy mô lớn.

Căng thẳng địa chính trị thường dẫn đến tăng chi tiêu quân sự và chạy đua vũ trang.

RRĐCT định hình các liên minh và quan hệ quốc tế.

2.1.4.3. Đo lường rủi ro địa chính trị

Hiện nay, một trong những cách thức đo lường RRĐCT được chấp nhận rộng rãi là chỉ số GPR của Caldara và Iacoviello. Chỉ số này được hình thành dựa trên việc tự động tìm kiếm các từ khóa như "chiến tranh", "căng thẳng", "khủng bố", "quân sự" và "địa chính trị" trong kho lưu trữ điện tử của 10 tờ báo uy tín gồm: Financial Times, The Wall Street Journal, The Globe and Mail, Chicago Tribune, The Guardian, The Los Angeles Times, USA Today, The Daily Telegraph, The Washington Post và The New York Times.

2.1.5. Mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững

Mối quan hệ giữa PCTK và PTBV được lý giải bằng nhiều lý thuyết, trong đó có Lý thuyết chế độ tài khóa theo mô hình liên bang (Fiscal Federalism Theory) và Lý thuyết lựa chọn công (Public Choice Theory).

2.1.6. Vai trò điều tiết của đổi mới xanh trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững

Vai trò điều tiết của đổi mới xanh trong mối quan hệ PCTK – PTBV được giải thích dựa trên Lý thuyết nguồn lực (RBV), theo đó, PCTK giúp địa phương khai thác hiệu quả các nguồn lực và năng lực đổi mới xanh để đạt lợi thế cạnh tranh bền vững. Lý thuyết khuếch tán đổi mới (Innovation Diffusion Theory) cho rằng PCTK thúc đẩy việc lan tỏa nhanh chóng các công nghệ và sáng kiến xanh giữa các địa phương, qua đó tăng cường tác động của PCTK đến PTBV. Trong khi đó, Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) nhấn mạnh rằng quyền tự chủ tài khóa và sự thành công của đổi mới xanh làm gia tăng ý định và năng lực hành động của lãnh đạo địa phương hướng tới PTBV.

2.1.7. Vai trò điều tiết của rủi ro địa chính trị trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững

Theo Lý thuyết thể chế, PCTK có thể củng cố thể chế địa phương thông qua việc trao quyền tự chủ và nguồn lực, song khi RRĐCT cao, các thể chế này dễ suy yếu, tham nhũng và kém hiệu quả, từ đó làm giảm tác động tích cực của PCTK đến PTBV. Lý thuyết lựa chọn công cho rằng trong môi trường rủi ro, các nhà lãnh đạo địa phương có thể theo đuổi lợi ích ngắn hạn, làm sai lệch động cơ chính sách và gia tăng tham nhũng, khiến PCTK có tác động tiêu cực hơn đến PTBV. Cuối cùng, Lý thuyết phụ thuộc tài nguyên nhấn mạnh rằng PCTK giúp địa phương chủ động thu hút và quản lý nguồn lực, đặc biệt là FDI; tuy nhiên, RRĐCT có thể làm gián đoạn dòng vốn và cản trở khả năng huy động nguồn lực cho các mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. CÁC NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM LIÊN QUAN

2.2.1. Nghiên cứu về tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững

Các nghiên cứu về tác động của PCTK đến PTBV được chia thành hai nhóm chính. Nhóm đầu tiên bao gồm Cheng (2019), Fredriksson và Millimet (2002), Konisky (2007) và Levinson (2003), ủng hộ tác động tích cực của PCTK đến chất lượng môi trường. Nhóm nghiên cứu thứ hai, bao gồm Millimet (2003), Batterbury và Fernando (2006), Sigman (2014), Fell và Kaffine (2014), Yang và cộng sự (2020), Chen và Liu (2020), Yang và cộng sự (2021), tỏ ra bi quan hơn về vai trò của PCTK trong việc ảnh hưởng đến chất lượng môi trường.

Gần đây, nhiều nghiên cứu tiếp cận PTBV dưới góc độ đầy đủ hơn là chỉ dưới góc độ môi trường. Hui và Martinez-Vazquez (2021) sử dụng các phương pháp 2SLS và System-GMM để nghiên cứu mối quan hệ giữa PCTK và PTBV tại 52 quốc gia trong giai đoạn 1991 đến 2016. Kết quả cho thấy tồn tại mối quan hệ hình chữ U ngược (hình bướu) giữa PCTK và PTBV trong cả ngắn hạn lẫn dài hạn tại các quốc gia nghiên cứu, hay nói cách khác, phân cấp chi tiêu quá cao hoặc quá thấp đều làm giảm hiệu quả cung cấp các dịch vụ công của chính phủ, từ đó dẫn đến tác động tiêu cực đến sự PTBV của một quốc gia.

2.2.4. Nghiên cứu về tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững, xem xét vai trò của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị

Các nghiên cứu gần đây xem xét vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị (RRĐCT) trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa (PCTK) và phát triển bền vững (PTBV), nhưng kết quả còn khác biệt. Satrovic và cộng sự (2024) cho thấy đổi mới xanh giúp giảm tác động tiêu cực của PCTK đến môi trường, trong khi Yi và cộng sự (2023) khẳng định PCTK thúc đẩy đổi mới xanh. Với dữ liệu Trung Quốc, Li và Xu (2023) phát hiện PCTK kìm hãm kinh tế xanh và đổi mới xanh làm khuếch đại tác động này, còn Pan và cộng sự (2023) lại cho rằng PCTK kết hợp đổi mới xanh cải thiện hiệu quả sinh thái. Ngoài ra, Hoang và cộng sự (2024) chứng minh RRĐCT làm suy yếu mối quan hệ giữa PCTK và dấu chân sinh thái, cho thấy rủi ro chính trị có thể cản trở tác động tích cực của phân cấp đối với PTBV.

2.3. KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về tác động của phân cấp tài khóa (PCTK) đến phát triển bền vững (PTBV), nhưng kết quả vẫn chưa thống nhất. Thứ nhất, chiều hướng tác động của PCTK đến PTBV còn thiếu rõ ràng. Thứ hai, đa số nghiên cứu chỉ tập trung vào khía cạnh môi trường, chưa xem xét đầy đủ cả ba trụ cột kinh tế – xã hội – môi trường. Thứ ba, vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị (RRĐCT) vẫn ít được kiểm chứng dù có ý nghĩa quan trọng. Ngoài ra, phương pháp nghiên cứu chủ yếu dựa vào kinh tế lượng truyền thống, chưa khai thác ưu thế của hồi quy Bayes trong xử lý dữ liệu phức tạp. Những hạn chế này cho thấy cần có cách tiếp cận toàn diện và hiện đại hơn để đánh giá đúng tác động của PCTK đến PTBV trong bối cảnh toàn cầu.

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

Quy trình nghiên cứu của tác giả được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Xây dựng cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

Bước 2: Xây dựng giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Bước 3. Phân tích định lượng bằng hồi quy Bayes

Bước 4. Phân tích và thảo luận kết quả định lượng

Bước 5. Kết luận và hàm ý chính sách

3.2. GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.2.1. Giả thuyết nghiên cứu

H1: PCTK có tác động tích cực đến PTBV

H2: Tồn tại mối quan hệ hình chữ U ngược giữa PCTK và PTBV

H3: Đổi mới xanh giúp khuếch đại tác động tích cực của PCTK đến PTBV

H4: RRĐCT làm suy yếu tác động tích cực của PCTK đến PTBV

3.2.2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình 1: Nghiên cứu tác động của phân cấp tài khóa đến PTBV:

$$SDGI_{i,t} = \beta_i + \beta_1 FD_{i,t} + \beta_2 Z_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

Mô hình 2: Kiểm tra mối quan hệ hình chữ U ngược giữa PCTK và PTBV:

$$SDGI_{i,t} = \beta_i + \beta_1 FD_{i,t} + \beta_2 FD_{i,t}^2 + \beta_3 Z_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (2)$$

Mô hình 3: Nghiên cứu tác động của PCTK đến PTBV, xem xét vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị:

$$SDGI_{i,t} = \beta_i + \beta_1 FD_{i,t} + \beta_2 FD_{i,t} \times GI_{i,t} + \beta_3 FD_{i,t} \times GPR_{i,t} + \beta_4 Z_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3)$$

Với $i = 1, 2, \dots, N$ là quốc gia và $t = 1, 2, \dots, T$ là thời gian

Các biến được đưa vào mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

Biến phụ thuộc: Phát triển bền vững (SDGI)

Biến độc lập: Phân cấp tài khóa (FD): Gồm phân cấp chi ngân sách (ED) và phân cấp thu ngân sách (RD)

Biến điều tiết: Đổi mới xanh (GI) và rủi ro địa chính trị (GPR)

Biến kiểm soát: Tăng trưởng kinh tế (GDP), Độ mở thương mại (TO), Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Mức đô thị hóa (URBAN) và Quy mô chính phủ (SIZE).

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án tiếp cận bằng hồi quy Bayes dựa trên giả định rằng mẫu dữ liệu quan sát được là cố định và thông số của mô hình là ngẫu nhiên. Phân phối hậu nghiệm của các thông số sẽ được ước tính dựa trên mẫu quan sát được và phân phối tiên nghiệm của thông số đó và sử dụng nó để diễn giải kết quả. Mô hình nghiên cứu sẽ được kiểm định tính vững bằng hồi quy System-GMM.

3.4. Mô tả dữ liệu nghiên cứu

Do sự giới hạn về dữ liệu nghiên cứu, luận án đã thu thập và sử dụng dữ liệu bảng cân bằng của 31 quốc gia từ năm 2010 đến năm 2022, chia thành hai nhóm gồm 19 quốc gia phát triển và 12 quốc gia đang phát triển.

Dữ liệu được thu thập tại các trang web của World Bank, IMF và OECD. Những dữ liệu còn thiếu liên quan đến biến PCTK được thu thập bổ sung từ niên giám thống kê của các quốc gia. Riêng dữ liệu về chỉ số rủi ro địa chính trị GPR được thu thập tại trang web www.matteoiacoviello.com.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, PHÂN CẤP TÀI KHÓA, ĐỔI MỚI XANH VÀ RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA CÁC QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

4.1.1. *Thực trạng phát triển bền vững*

Xét 31 nước trong mẫu nghiên cứu, Chỉ số mục tiêu PTBV của các nước trong giai đoạn 2010 – 2022 đạt mức trung bình là 71,5 và tăng dần qua mỗi năm. So với toàn thế giới có sự tụt lùi về sự PTBV trong giai đoạn hậu COVID-19, các quốc gia trong nhóm nghiên cứu cho thấy sự duy trì trong Chỉ số SGDs. Điều này có thể lí giải là do 31 nước trong nhóm mẫu quan sát là các nền kinh tế tiên tiến và đang phát triển, sự PTBV của nhóm các nước này chịu tác động từ COVID-19 ít hơn so với các nước đang phát triển và kém phát triển. Tuy nhiên, có thể thấy rõ giai đoạn 2021 – 2022 hậu COVID-19, mức độ PTBV của các quốc gia nghiên cứu tuy có tăng nhưng không đáng kể.

4.1.2. *Thực trạng phân cấp tài khóa*

Trong giai đoạn 2010 – 2022, tình hình PCTK của 31 quốc gia nghiên cứu được duy trì khá ổn định, đặc biệt là phân cấp thu ngân sách có sự biến động khá ít và dao động quanh mức 25%. Trung Quốc, Canada, Đan Mạch, Thụy Sĩ và Thụy Điển là 5 quốc gia có mức độ phân cấp chi ngân sách cao nhất. Đối với phân cấp thu ngân sách, Trung Quốc và Canada vẫn dẫn đầu trong nhóm các quốc gia nghiên cứu khi duy trì mức phân cấp thu ngân sách trên 50%.

4.1.3. *Thực trạng đổi mới xanh*

Mức độ đổi mới xanh của các quốc gia trong giai đoạn 2010 – 2022 duy trì ở mức ổn định qua các năm. Trong thời gian qua, việc đổi mới xanh được nhiều quốc gia quan tâm, xem như một con đường để dẫn đến việc đạt được các mục tiêu PTBV.

4.1.4. *Thực trạng rủi ro địa chính trị*

Có thể thấy rõ hai giai đoạn trong lịch sử thể hiện mức độ RRĐCT cao nhất chính là hai giai đoạn diễn ra Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Ngoài ra, chỉ số GPR có sự tăng đột biến tại những thời điểm xảy ra

những sự kiện địa chính trị quan trọng, chẳng hạn như Nội chiến Trung Quốc (đỉnh điểm vào năm 1949), Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1952), Chiến tranh lạnh (những năm 60 – 70 của thế kỷ 20), sự tan rã của Liên Xô (1991), và cuộc chiến chống khủng bố đầu những năm 2000 - 2004 (với cột mốc là vụ khủng bố 11/9 tại Mỹ). Giai đoạn có thể được xem là "an toàn" theo chỉ số GPR là giai đoạn trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, giai đoạn giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới, những năm cuối thế kỷ 20 và từ sau 2004 đến nay. Như vậy có thể thấy rằng chỉ số GPR phản ánh khá chính xác các sự kiện địa chính trị xảy ra trên toàn thế giới.

4.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TẠI HAI NHÓM QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÀ ĐANG PHÁT TRIỂN

4.2.1. Tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững

4.2.1.1. Tại các nước phát triển

Bảng 0.1. Kết quả hồi quy tác động của phân cấp chi ngân sách đến phát triển bền vững tại các nước phát triển

SDGI	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn MCMC	Trung vị	Khoảng tin cậy Bayes	
ED	0,08051	0,01732	0,00017	0,08051	0,04644	0,11403
GDP	0,00411	0,00780	0,00008	0,00413	-0,01136	0,01938
FDI	-0,04228	0,02952	0,00030	-0,04236	-0,10044	0,01644
URBAN	-0,05344	0,03083	0,00031	-0,05382	-0,11410	0,00693
TO	0,01037	0,00711	0,00007	0,01038	-0,00362	0,02433
SIZE	0,30890	0,02742	0,00027	0,30883	0,25529	0,36338
_cons	4,20152	0,07625	0,00076	4,20104	4,05429	4,35193
<i>Tỷ lệ chấp nhận trung bình</i>			<i>0,8947</i>	<i>Hiệu quả nhỏ nhất trung bình</i>		<i>0,0613</i>

Nguồn: Tác giả tính toán

Kết quả bảng 4.1 cho thấy phân cấp chi ngân sách tại các nước phát triển có tác động tích cực đến PTBV. Bên cạnh đó, tăng trưởng GDP, TO và SIZE là các yếu tố thúc đẩy PTBV, còn FDI và URBAN là yếu tố làm suy giảm PTBV.

4.2.1.2. Tại các nước đang phát triển

Bảng 0.2. Kết quả hồi quy tác động của phân cấp chi ngân sách đến phát triển bền vững tại các nước đang phát triển

SDGI	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn MCMC	Trung vị	Khoảng tin cậy Bayes	
ED	-0,08177	0,02943	0,00029	-0,08182	-0,14030	-0,02435
GDP	0,04465	0,00846	0,00009	0,04465	0,02800	0,06121
FDI	0,00325	0,03502	0,00035	0,00350	-0,06544	0,07247
URBAN	-0,03436	0,04936	0,00049	-0,03407	-0,13265	0,06167
TO	0,05534	0,01561	0,00016	0,05536	0,02428	0,08548
SIZE	0,23433	0,05133	0,00051	0,23424	0,13346	0,33529
_cons	3,80488	0,07581	0,00076	3,80362	3,65673	3,95419
Tỷ lệ chấp nhận trung bình			0,8928	Hiệu quả nhỏ nhất trung bình		0,0355

Nguồn: Tác giả tính toán

Tại các nước đang phát triển, phân cấp chi ngân sách tác động tiêu cực đến phát triển bền vững, tương tự với biến URBAN. Trong khi đó, GDP, FDI, TO, và SIZE là yếu tố thúc đẩy PTBV.

4.2.2. Kết quả kiểm tra mối quan hệ hình chữ U ngược giữa phân cấp tài khóa và phát triển bền vững

4.2.2.1. Tại các nước phát triển

Mối quan hệ giữa PCTK và PTBV tại các nước phát triển được thể hiện qua hình chữ U ngược với ngưỡng phân cấp chi ngân sách là 51,55% và ngưỡng phân cấp thu ngân sách là 31,72%

4.2.2.2. Tại các nước đang phát triển

Mối quan hệ giữa PCTK và PTBV tại các nước đang phát triển được thể hiện qua hình chữ U với ngưỡng phân cấp chi ngân sách là 61,33% và ngưỡng phân cấp thu ngân sách là 27,12%.

4.2.3 Tác động của phân cấp tài khóa đến phát triển bền vững, xem xét vai trò điều tiết của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị

4.2.3.1. Tại các nước phát triển

Bảng 0.3. Tác động của phân cấp chi ngân sách đến phát triển bền vững, xem xét vai trò của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị tại các nước phát triển

SDGI	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn MCMC	Trung vị	Khoảng tin cậy Bayes	
ED	-0,00515	0,03454	0,00035	-0,00517	-0,07388	0,06187
EDxGI	0,47800	0,16079	0,00161	0,47820	0,16206	0,79388
EDxGPR	-0,01760	0,01083	0,00011	-0,01754	-0,03895	0,00363
GDP	0,01631	0,00842	0,00008	0,01632	-0,00040	0,03271
FDI	-0,04078	0,02890	0,00029	-0,04091	-0,09771	0,01536
URBAN	-0,07677	0,03123	0,00031	-0,07714	-0,13866	-0,01464
TO	0,01151	0,00748	0,00008	0,01145	-0,00332	0,02631
SIZE	0,25236	0,03122	0,00031	0,25288	0,18986	0,31221
_cons	4,12361	0,07776	0,00078	4,12353	3,97266	4,27633
<i>Tỷ lệ chấp nhận trung bình</i>		<i>0,7972</i>	<i>Hiệu quả nhỏ nhất trung bình</i>		<i>0,1022</i>	

Nguồn: Tác giả tính toán

Tại các nước đang phát triển, việc kết hợp giữa phân cấp thu ngân sách và đổi mới xanh sẽ có tác động thúc đẩy sự PTBV tại các nước phát triển. PCTK trong môi trường có RRĐCT sẽ tác động tiêu cực đến sự PTBV.

4.2.3.2. Tại các nước đang phát triển

Bảng 0.4. Tác động của phân cấp chi ngân sách đến phát triển bền vững, xem xét vai trò của đổi mới xanh và rủi ro địa chính trị tại các nước đang phát triển

SDGI	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn MCMC	Trung vị	Khoảng tin cậy Bayes	
ED	-0,15872	0,04192	0,00042	-0,15855	-0,24015	-0,07661
EDxGI	0,30421	0,26604	0,00266	0,30564	-0,22396	0,81808
EDxGPR	0,07951	0,02293	0,00023	0,07929	0,03348	0,12425
GDP	0,03809	0,00851	0,00009	0,03801	0,02162	0,05477
FDI	0,00845	0,03377	0,00034	0,00850	-0,05750	0,07454
URBAN	-0,01718	0,04829	0,00048	-0,01713	-0,11173	0,07730
TO	0,06581	0,01560	0,00016	0,06583	0,03511	0,09622
SIZE	0,19438	0,05468	0,00056	0,19433	0,08722	0,30227
_cons	3,86136	0,07724	0,00077	3,86111	3,71024	4,01168
<i>Tỷ lệ chấp nhận trung bình</i>		<i>0,8176</i>	<i>Hiệu quả nhỏ nhất trung bình</i>		<i>0,0736</i>	

Nguồn: Tác giả tính toán

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng phân cấp chi và thu ngân sách kết hợp với đổi mới xanh sẽ góp phần thúc đẩy sự PTBV tại các quốc gia đang phát triển. Bên cạnh đó, PCTK trong môi trường xảy ra RRĐCT cũng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững tại các quốc gia này.

4.2.4. Kiểm định tính vững của mô hình nghiên cứu

Để kiểm định tính vững của mô hình, luận án sử dụng Chỉ số Phát triển Con người (HDI) làm đại diện cho phát triển bền vững (PTBV). Kết quả cho thấy chiều hướng tác động của các biến không thay đổi, khẳng định tính ổn định của mô hình. Cụ thể, tại các nước phát triển, tồn tại mối quan hệ hình chữ U ngược giữa PCTK và PTBV; đổi mới xanh thúc đẩy PTBV và tăng cường tác động tích cực của PCTK, trong khi rủi ro địa chính trị (RRĐCT) làm suy yếu cả PTBV lẫn tác động của PCTK.

Ngược lại, tại các nước đang phát triển, mối quan hệ giữa PCTK và PTBV có dạng hình chữ U, và đổi mới xanh cùng RRĐCT đều góp phần thúc đẩy PTBV. Các kiểm định MCMC cho thấy mô hình đạt tiêu chuẩn về độ tin cậy, đồng thời phương pháp hồi quy System-GMM cũng cho kết quả tương tự, khẳng định tính vững và độ tin cậy cao của mô hình nghiên cứu.

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÂN CẤP TÀI KHÓA THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI CÁC QUỐC GIA

5.1. KẾT LUẬN

Kết quả hồi quy Bayes cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm quốc gia. Ở các nước phát triển, PCTK có tác động tích cực và tuân theo mô hình hình chữ U ngược với ngưỡng chi 51,55% và thu 31,72%; đổi mới xanh thúc đẩy PTBV, trong khi RRĐCT làm suy giảm PTBV và tác động của PCTK. Ngược lại, tại các nước đang phát triển, PCTK có tác động tiêu cực và tuân theo mô hình hình chữ U (ngưỡng chi 61,33%, thu 24,12%); đổi mới xanh và RRĐCT đều thúc đẩy PTBV, đồng thời PCTK kết hợp hai yếu tố này giúp tăng trưởng bền vững hơn.

5.2. MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH NHẪM THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

5.2.1. Hàm ý chính sách về phân cấp tài khóa

- Duy trì phân cấp tài khóa trong mức ngưỡng tối ưu tại các nước phát triển
- Đẩy mạnh phân cấp tài khóa tại các nước đang phát triển

5.2.2. Hàm ý chính sách về đổi mới xanh

- Thiết kế cơ chế phân cấp tài khóa khuyến khích đầu tư xanh
- Tăng cường năng lực đổi mới xanh ở cấp địa phương
- Tăng cường phối hợp dọc và ngang trong quản lý tài chính xanh
- Thúc đẩy huy động khu vực tư nhân thông qua công cụ tài chính xanh

5.2.3. Hàm ý chính sách về rủi ro địa chính trị

5.2.3.1. Tại các nước phát triển

Tăng cường khả năng thích ứng và điều phối chính sách tài khóa đa cấp trong bối cảnh rủi ro địa chính trị

Nâng cao năng lực quản trị địa phương và cơ chế giám sát tài khóa trong môi trường rủi ro cao

Điều chỉnh cấu trúc chi tiêu công hướng đến tăng cường khả năng chống chịu và phát triển bền vững

Tăng cường hợp tác quốc tế và bảo đảm an ninh kinh tế – tài chính trong khuôn khổ phân cấp

5.2.3.2. Tại các nước đang phát triển

Tăng cường phân cấp theo hướng linh hoạt để thích ứng với rủi ro địa chính trị
Phát triển năng lực quản trị và thể chế địa phương để biến rủi ro thành cơ hội phát triển

Đẩy mạnh phối hợp đa cấp chính quyền để cân bằng giữa tự chủ và ổn định vĩ mô

Sử dụng phân cấp như công cụ thúc đẩy phát triển bền vững gắn với tự chủ địa phương

Tăng cường vai trò của minh bạch và giám sát trong phân cấp tài khóa

5.2.4. Một số hàm ý chính sách khác

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu phát triển bền vững bằng các giải pháp như tăng cường đầu tư xanh, sử dụng tài nguyên hiệu quả, xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững, ổn định kinh tế vĩ mô, giáo dục và phát triển kỹ năng, thúc đẩy đổi mới và khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), phát triển tài chính toàn diện và tăng cường hợp tác quốc tế.

Tăng cường tự do hóa thương mại

Thận trọng với nguồn vốn đầu tư FDI

Gia tăng nguồn thu nhập của chính phủ

5.3. HẠN CHẾ CỦA LUẬN ÁN VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

Bên cạnh những đóng góp nhất định về mặt lý luận và thực tiễn, luận án vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, do giới hạn về mặt dữ liệu, luận án chỉ có thể tập trung phân tích tác động của PCTK đến PTBV, xem xét vai trò của đổi mới xanh và RRĐCT tại 31 quốc gia trong giai đoạn 2010 – 2022. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu ở nhiều quốc gia hơn với dữ liệu cập nhật mới hơn nhằm thu được các kết quả tổng quát. Thứ hai, nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở việc phân tích tác động riêng lẻ của đổi mới xanh và RRĐCT đến mối quan hệ

giữa PCTK và PTBV mà chưa xem xét đến tương tác đồng thời của đổi mới xanh và RRĐCT đến mối quan hệ giữa hai biến này. Các nghiên cứu tiếp theo nếu có thể hệ thống hóa và làm rõ được khung lý thuyết về tương tác đồng thời của (đổi mới xanh*RRĐCT) đến quan hệ PCTK – PTBV sẽ có giá trị lý thuyết cao.